

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**BỘ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2014/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin
trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội**

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

Điều 2. Quy định chung

1. Các trang thông tin điện tử không phải cấp phép:

a) Trang thông tin điện tử nội bộ quy định tại Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng (sau đây viết tắt là Nghị định số 72/2013/NĐ-CP);

b) Trang thông tin điện tử cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 20 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.

Cá nhân có quyền chia sẻ những thông tin không vi phạm các quy định tại Điều 5 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP trên trang thông tin điện tử cá nhân và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin được đăng tải, chia sẻ;

không đại diện cho tổ chức hoặc cá nhân khác và không cung cấp thông tin tổng hợp;

c) Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước cung cấp thông tin được quy định tại Điều 10 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

d) Trang thông tin điện tử ứng dụng chuyên ngành quy định tại Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP không phải cấp phép theo quy định tại Thông tư này nhưng phải tuân thủ theo quy định của pháp luật chuyên ngành và các quy định có liên quan;

đ) Diễn đàn nội bộ dành cho hoạt động trao đổi, hỏi đáp thông tin nội bộ liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, dịch vụ, sản phẩm, ngành nghề phục vụ cho hoạt động của chính cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đó.

2. Các trang thông tin điện tử phải cấp phép:

a) Trang thông tin điện tử tổng hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP

Các trang thông tin điện tử nội bộ, trang thông tin điện tử ứng dụng chuyên ngành, mạng xã hội khi cung cấp thông tin tổng hợp thì phải đề nghị cấp phép như đối với trang thông tin điện tử tổng hợp.

Trang thông tin điện tử tổng hợp của cơ quan báo chí: Cấp phép như đối với trang thông tin điện tử tổng hợp.

b) Mạng xã hội

Các trang thông tin điện tử nội bộ, trang thông tin điện tử ứng dụng chuyên ngành, trang thông tin điện tử tổng hợp nếu thiết lập mạng xã hội phải đề nghị cấp phép như đối với mạng xã hội.

Tổ chức, doanh nghiệp thiết lập mạng xã hội chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về những nội dung thông tin do mình cung cấp.

3. Trang chủ của trang thông tin điện tử phải cung cấp đầy đủ các thông tin: Tên của tổ chức quản lý trang thông tin điện tử; tên cơ quan chủ quản (nếu có); địa chỉ liên lạc, thư điện tử, số điện thoại liên hệ, tên người chịu trách nhiệm quản lý nội dung.

Ngoài các nội dung trên, trang thông tin điện tử tổng hợp, trang thông tin điện tử tổng hợp của các cơ quan báo chí, mạng xã hội phải ghi rõ số giấy phép đang còn hiệu lực, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp phép.

4. Trang thông tin điện tử tổng hợp khi trích dẫn lại thông tin phải tuân theo quy định về nguồn tin được quy định tại khoản 18 Điều 3, khoản 2 Điều 20 Nghị

định số 72/2013/NĐ-CP; không đăng tải ý kiến nhận xét, bình luận của độc giả về nội dung tin, bài được trích dẫn (trừ trang thông tin điện tử tổng hợp của cơ quan báo chí).

5. Sau 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, nếu tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép không thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội thì giấy phép không còn giá trị.

6. Trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội đã được cấp phép khi có sự thay đổi chủ sở hữu trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội thì phải thực hiện các thủ tục như cấp mới theo quy định tại Thông tư này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chuyển giao. Hồ sơ cấp phép, ngoài các văn bản quy định tại Điều 6 Thông tư này phải kèm theo bản gốc giấy phép đã được cấp.

7. Thông tin cá nhân bao gồm:

Họ và tên;

Ngày, tháng, năm sinh;

Số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp;

Số điện thoại, địa chỉ email.

Trường hợp người sử dụng internet dưới 14 tuổi và chưa có hộ chiếu, người giám hộ hợp pháp quyết định việc đăng ký thông tin cá nhân của mình để thể hiện sự cho phép và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký đó.

Điều 3. Điều kiện về nhân sự quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 23 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội

1. Điều kiện về nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin

a) Người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về quản lý nội dung cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội;

b) Người chịu trách nhiệm quản lý nội dung phải tốt nghiệp đại học hoặc tương đương trở lên, có quốc tịch Việt Nam. Đối với người nước ngoài, có địa chỉ tạm trú ít nhất 6 tháng tại Việt Nam;

c) Người chịu trách nhiệm quản lý nội dung có trách nhiệm cung cấp số điện thoại liên lạc thường xuyên, địa chỉ email cho cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương để phối hợp xử lý ngay khi cần thiết;

d) Người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp có thể giao nhiệm vụ cho cấp phó chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin;

đ) Tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội phải thành lập bộ phận quản lý nội dung thông tin.

2. Điều kiện về nhân sự bộ phận kỹ thuật

Bộ phận quản lý kỹ thuật tối thiểu có 01 người đáp ứng quy định tại Điểm g, điểm h khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 4. Điều kiện về tài chính, kỹ thuật quy định tại Điểm d Khoản 5 Điều 23 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội

1. Tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội phải có phương án tài chính bảo đảm thiết lập hệ thống thiết bị kỹ thuật quy định tại Khoản 2 Điều này để duy trì hoạt động trong thời gian giấy phép có hiệu lực.

2. Điều kiện về kỹ thuật

Thiết lập hệ thống thiết bị kỹ thuật có khả năng đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đối với trang thông tin điện tử tổng hợp: Lưu trữ tối thiểu 90 (chín mươi) ngày đối với nội dung thông tin tổng hợp kể từ thời điểm đăng tải; lưu trữ tối thiểu 02 (hai) năm đối với nhật ký xử lý thông tin được đăng tải;

b) Đối với mạng xã hội: Lưu trữ tối thiểu 02 (hai) năm đối với các thông tin về tài khoản, thời gian đăng nhập, đăng xuất, địa chỉ IP của người sử dụng và nhật ký xử lý thông tin được đăng tải;

c) Tiếp nhận và xử lý cảnh báo thông tin vi phạm từ người sử dụng;

d) Phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn truy nhập bất hợp pháp, các hình thức tấn công trên môi trường mạng và tuân theo những tiêu chuẩn đảm bảo an toàn thông tin;

đ) Có phương án dự phòng bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục và khắc phục khi có sự cố xảy ra, trừ những trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật;

e) Đảm bảo phải có ít nhất 01 (một) hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam, cho phép tại thời điểm bất kỳ cũng có thể đáp ứng việc thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp thông tin trên toàn bộ các trang thông tin điện tử, mạng xã hội do tổ chức, doanh nghiệp sở hữu theo quy định tại Điểm a, b, c, d và đ Khoản 2 Điều này.

3. Ngoài việc bảo đảm các điều kiện kỹ thuật quy định tại Khoản 2 Điều này, hệ thống kỹ thuật thiết lập mạng xã hội phải có khả năng đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Thực hiện đăng ký, lưu trữ thông tin cá nhân của thành viên quy định tại Khoản 7 Điều 2 Thông tư này;

b) Thực hiện việc xác thực người sử dụng dịch vụ thông qua tin nhắn gửi đến số điện thoại hoặc đến hộp thư điện tử khi đăng ký sử dụng dịch vụ hoặc thay đổi thông tin cá nhân;

c) Ngăn chặn hoặc loại bỏ thông tin vi phạm các quy định tại Điều 5 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP khi có yêu cầu từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Thiết lập cơ chế cảnh báo thành viên khi đăng thông tin có nội dung vi phạm (bộ lọc);

đ) Sẵn sàng kết nối, xác thực thông tin cá nhân với cơ sở dữ liệu điện tử về chứng minh nhân dân hoặc hệ thống mã số cá nhân quốc gia theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Điều kiện về quản lý thông tin và tên miền quy định tại Điểm c, đ khoản 5 Điều 23 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội

1. Điều kiện về quản lý thông tin đối với trang thông tin điện tử tổng hợp

a) Có quy trình quản lý thông tin công cộng: Xác định phạm vi nguồn thông tin khai thác, cơ chế quản lý, kiểm tra thông tin trước và sau khi đăng tải;

b) Có cơ chế kiểm soát nguồn tin, đảm bảo thông tin tổng hợp đăng tải phải chính xác theo đúng thông tin nguồn;

c) Có cơ chế phối hợp để có thể loại bỏ ngay nội dung vi phạm Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP chậm nhất sau 03 (ba) giờ kể từ khi tự phát hiện hoặc có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bằng văn bản, điện thoại, email);

2. Điều kiện về quản lý thông tin đối với mạng xã hội:

a) Có thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội phù hợp theo các quy định tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và được đăng tải trên trang chủ của mạng xã hội;

b) Bảo đảm người sử dụng phải đồng ý thỏa thuận sử dụng dịch vụ mạng xã hội bằng phương thức trực tuyến thì mới có thể sử dụng được các dịch vụ, tiện ích của mạng xã hội;

c) Có cơ chế phối hợp để có thể loại bỏ ngay nội dung vi phạm Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP chậm nhất sau 03 (ba) giờ kể từ khi tự phát hiện hoặc có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bằng văn bản, điện thoại, email);

d) Có biện pháp bảo vệ bí mật thông tin riêng, thông tin cá nhân của người sử dụng;

đ) Bảo đảm quyền quyết định của người sử dụng trong việc cho phép thu thập thông tin cá nhân của mình hoặc cung cấp cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác.

3. Điều kiện về tên miền:

a) Đối với tổ chức, doanh nghiệp không phải là cơ quan báo chí, dấy ký tự tạo nên tên miền không được giống hoặc trùng với tên cơ quan báo chí;

b) Trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội của cùng một tổ chức, doanh nghiệp không được sử dụng cùng một tên miền;